

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 468/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế gồm: Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu và viết tắt như sau:

1. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

2. Nghị định số 159/2020/NĐ-CP là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. "Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Kiểm soát viên" (sau đây viết tắt là Cơ quan đại diện chủ sở hữu) là Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

4. "Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy" (sau đây viết tắt là Kiểm soát viên) là cá nhân do Cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Cơ quan đại diện chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và việc quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch, Giám đốc Công ty.

5. Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy viết tắt là Điều lệ Công ty.

6. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy viết tắt là Công ty.

7. Chủ tịch, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy viết tắt là Chủ tịch, Giám đốc Công ty.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc;

2. Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là người kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch Công ty; Giám đốc; Phó Giám đốc; Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty;

4. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp năm 2020.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Chế độ hoạt động của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là năm (05) năm tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực và được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục ở Công ty. Trong trường hợp vào thời gian kết thúc nhiệm kỳ mà Cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa bổ nhiệm lại thì Kiểm soát viên đã kết thúc nhiệm kỳ vẫn thực thi nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên Công ty làm việc theo chế độ chuyên trách; hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; đảm bảo tính khách quan, trung thực của các báo cáo, kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên. Tôn trọng pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quyền của Kiểm soát viên

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong

quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

2. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty.

3. Tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng thành viên, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên Công ty. Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật doanh nghiệp năm 2020.

4. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

Nghĩa vụ của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các quy định sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý Công ty làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

6. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Phương pháp, nội dung cụ thể giám sát, kiểm soát của Kiểm soát viên

1. Giám sát, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên.

a) Giám sát việc thực hiện quản lý điều hành của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;

b) Kiểm tra, kiểm soát các hợp đồng, hồ sơ kế toán tại bộ phận kế toán;

c) Kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy định, quy chế của Công ty;

d) Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong Công ty, sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định pháp luật;

đ) Thẩm định báo cáo khác trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có liên quan;

e) Các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

2. Giám sát, kiểm tra, kiểm soát định kỳ.

a) Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 06 tháng, năm;

b) Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

c) Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

d) Thẩm định việc xác định quỹ tiền lương để báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

đ) Thẩm định 06 tháng, 01 năm về báo cáo tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý tồn đọng, khả năng và tình hình thanh toán nợ của Công ty;

e) Các công việc khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

3. Giám sát, kiểm tra, kiểm soát đột xuất.

Thực hiện khi Kiểm soát viên xét thấy cần thiết và theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của Công ty, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 9. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và Cơ quan đại diện chủ sở hữu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm:

Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty gồm các nội dung về chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên, quy trình thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác của công ty giao cho Kiểm soát viên thực hiện, việc phối hợp thực hiện và các nội dung cần thiết khác phù hợp với điều kiện của công ty.

Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm.

Giao nhiệm vụ cho một đơn vị hoặc cá nhân cụ thể làm đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, trả lời các báo cáo và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các báo cáo của Kiểm soát viên, Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trả lời Kiểm soát viên bằng văn bản về những đề nghị của Kiểm soát viên. Trường hợp Kiểm soát viên xin ý kiến đối với các vấn đề phát sinh đột xuất, có tính cấp bách thì Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trả lời, chỉ đạo bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc.

Thông báo cho Công ty và các cơ quan liên quan về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, hiệu lực thi hành; chỉ đạo Công ty, trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày

làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) tổ chức, thu xếp nơi làm việc và các trang thiết bị công tác phục vụ cho công việc của Kiểm soát viên. Trên cơ sở đề xuất của Kiểm soát viên và sự thống nhất của Chủ tịch Công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn, định mức về cơ sở, vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty.

đ) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và các quyền và nghĩa vụ khác đối với Kiểm soát viên theo quy định hiện hành.

e) Nội dung khác theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Kiểm soát viên có trách nhiệm:

Xây dựng Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Xây dựng chương trình công tác năm, trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong quý I hàng năm. Kiểm soát viên làm việc theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho Công ty, Kiểm soát viên có thể chủ động thực hiện nhưng phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong thời gian sớm nhất.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Kiểm soát viên phải gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo bằng văn bản về tình hình và nội dung hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty quy định tại Điều 5 Quy chế này và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới.

Đối với những văn bản, báo cáo của Công ty cần có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, báo cáo, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

đ) Trong quá trình làm việc, Kiểm soát viên cần phát hiện sớm những sai phạm, những hoạt động có dấu hiệu vi phạm Pháp luật, ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời chủ động thông báo ngay với Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty để có biện pháp xử lý.

Điều 10. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty

1. Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty có quyền được Cơ quan đại diện chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty hoặc vi phạm các quy định của Pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, Công ty có quyền báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch và Giám đốc đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Khi Kiểm soát viên gửi báo cáo đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty, trừ trường hợp có quy định khác của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

6. Kiểm soát viên được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng thành viên, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát Công ty. Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật doanh nghiệp năm 2020.

7. Công ty phải gửi cho Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty đối với báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty có phần vốn góp hoặc công ty liên kết của Công ty, để Kiểm soát viên thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty có phần vốn góp hoặc công ty liên kết của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 11. Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm

1. Kiểm soát viên được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo 04 mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tiêu chí, nội dung, trình tự đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm thực hiện theo Nghị định số 159/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Việc đánh giá Kiểm soát viên được thực hiện hàng năm sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng được lưu vào hồ sơ và thông báo đến Kiểm soát viên.

4. Đối với Kiểm soát viên là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý sau.

Điều 12. Tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Kiểm soát viên

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Kiểm soát viên do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, tối thiểu bằng Phó Giám đốc tại Công ty; được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của Công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, người quản lý, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này. Những nội dung liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên chưa được nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; Kiểm soát viên Công ty phản ánh kịp thời đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty (*qua Sở Nội vụ*) xem xét, quyết định./.